

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2020/DS-ST**  
Ngày 11-6-2020  
V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Huỳnh Hữu Đoàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Huỳnh Hải Đ, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 8, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:**

1. Ông Châu Việt A (tên gọi khác: Châu Quốc V), sinh năm 1973 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 8, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Hải Đ trình bày:*

Ông có tham gia dây hui mở ngày 18/01/2018 âm lịch do ông Châu Quốc V và bà Nguyễn Thị T làm chủ, loại hui 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một kỳ, tổng số 32 phần, ông tham gia 02 phần. Ông đã đóng cho ông V, bà T từ ngày 18/01/2018 đến hết tháng 4 năm 2019 là 16 tháng với tổng số tiền là 32.000.000 đồng. Đến kỳ khai hui thì ông đóng tiền cho ông V hoặc bà T. Đến tháng 5 năm 2019 ông V, bà T tuyên bố không tiếp tục khai hui và gom hui nữa. Sau đó ông V có trả cho ông 11.000.000 đồng. Đến ngày 28/6/2019 ông V có viết giấy thừa nhận

còn nợ ông số tiền 21.000.000 đồng và hứa mỗi tháng trả cho ông 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng sau đó chỉ trả cho ông được 03 lần, mỗi lần 1.000.000 đồng, tổng cộng là 3.000.000 đồng. Ông có đòi nhiều lần nhưng ông V, bà T hứa hẹn và cố tình né tránh không trả nợ cho ông. Nay ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông V, bà T trả cho ông số tiền còn thiếu là 18.000.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Châu Quốc V và bà Nguyễn Thị T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Châu Quốc V và bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông V, bà T.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hội và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Hải Đ thấy rằng:

Ông Huỳnh Hải Đ tham gia 02 phần trong đây hội mở ngày 18/01/2018 âm lịch do ông Châu Quốc V làm chủ. Quá trình giao dịch có sự tham gia của bà T là vợ ông V. Ông đã đóng cho ông V, bà T từ ngày 18/01/2018 đến hết tháng 4 năm 2019 là 32.000.000 đồng. Đến tháng 5 năm 2019 ông V, bà T tuyên bố không tiếp tục khai hội và gom hội nữa. Sau đó ông V có trả cho ông 11.000.000 đồng. Đến ngày 28/6/2019 ông V có viết giấy thừa nhận còn nợ ông số tiền 21.000.000 đồng và hứa mỗi tháng trả cho ông 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng sau đó chỉ trả cho ông thêm 3.000.000 đồng. Do ông V không thực hiện đúng thỏa thuận nên ông khởi kiện yêu cầu trả cho ông số tiền hội đã đóng là 18.000.000 đồng.

Xét thấy việc ông Châu Quốc V tổ chức hội có lập thành văn bản có tên là “Giao kèo” thể hiện rõ các thành viên và phương thức tham gia, phù hợp với quy định pháp luật nên các bên tham gia có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường. Giao dịch hội không tiếp tục là do chủ hội tuyên bố ngừng hội nhưng ông V không trả lại tiền cho hội viên nên ông Đ yêu cầu ông V trả số tiền hội đã đóng là có cơ sở.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông V, bà T nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến nên xem như bị đơn từ bỏ quyền của mình và cố tình trốn tránh nghĩa vụ với nguyên đơn.

Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông V đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hội nên phải chịu trách nhiệm trả lại cho ông Đ số tiền hội mà ông Đ đã đóng là 18.000.000 đồng.

Xét thấy quá trình giao dịch có sự tham gia của bà T, đồng thời ông Châu Quốc V và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng nên phải cùng có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc ông V, bà T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Đ số tiền 18.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông V, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của ông Đ được Tòa án chấp nhận cụ thể: 18.000.000 đồng x 5% = 900.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Hải Đ. Buộc ông Châu Việt A (tên gọi khác: Châu Quốc V) và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả ông Huỳnh Hải Đ số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

- Về án phí: Ông Châu Việt A (tên gọi khác: Châu Quốc V) và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 900.000 (chín trăm nghìn) đồng. Ông Huỳnh Hải Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 450.000 (bốn trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0004733 ngày 12 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Ông Huỳnh Hải Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Châu Việt A (tên gọi khác: Châu Quốc V) và bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Hồng Ý**